

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 483/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2018

“V/v Ly hôn giữa bà P và ông H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trường Vũ;

2. Ông Nguyễn Văn To.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa: Ông Đặng Tấn Tài – KSV.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 346/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 466/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 498/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Tổ 19, ấp Phú Bình, xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ 19, ấp Phú Bình, xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày: Hôn nhân của ông bà là do vợ chồng ông bà tự tìm hiểu tình cảm yêu thương nhau trước và được cha mẹ hai bên đồng ý, tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có hạnh phúc được

khoảng 26 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi và ông H luôn ghen tuông vô cớ làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của bà tại địa phương, do đó bà không thể nào chung sống với ông H được nữa và vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông H. Trong thời gian chung sống ông bà không có con chung, nhưng có 01 đứa con nuôi tên Nguyễn Thái S, sinh ngày 28/5/2011. Hiện nay con đang sống chung với ông bà, tại phiên tòa hôm nay bà P đồng ý giao đứa con nuôi cho ông H được quyền nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Trong quá trình hòa giải bà P và ông H đều thống nhất trình bày ông bà có 01 căn nhà gắn liền đất thổ cư, diện tích ngang 10m, dài 13m, loại nhà: Nền lát gạch bông, vách tường, lợp tol. Nhà và đất không có giấy chứng nhận QSD. Ông bà thống nhất trị giá căn nhà là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Ông Nguyễn Văn H thống nhất về điều kiện đi đến hôn nhân giữa ông và bà Nguyễn Thị P giống như bà P trình bày. Trong thời gian sống chung ông bà cũng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, ông cho rằng do bà P mê tín dị đoan về làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Ông thừa nhận ông cũng có ghen tuông gây gổ với bà P trong gia đình nhưng do người bên ngoài tác động thêm. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Nay ông còn thương vợ con nên ông không đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông cũng thống nhất vợ chồng không có con chung, nhưng có 01 đứa con nuôi tên Nguyễn Thái S, sinh ngày 28/5/2011. Hiện nay con đang sống chung với ông bà. Tại phiên tòa hôm nay ông không đồng ý ly hôn với bà P nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Về tài sản chung: Ông thống nhất tài sản chung như bà P trình bày. Nay ông không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về nợ chung: không có.

Tại biên bản xác minh ngày 01/11/2018 thì bà Lương Thị Vân là mẹ ruột của bà P trình bày: Nhà bà sát vách với nhà H, P. Quá trình chung sống thì vợ chồng H, P có hạnh phúc nhưng từ khoảng tết nguyên đán năm 2018 đến nay vợ chồng H, P lủng củng, xảy ra mâu thuẫn. Mỗi lần vợ chồng H, P xảy ra cãi vã bà đều có can ngăn. Bà cũng đã có vài lần động viên để vợ chồng con hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay tùy các con tự giải quyết bà không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H và bà đồng ý để ông H được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái S. Về tài sản chung thì bà P thay đổi yêu cầu. Tại biên bản hòa giải ngày 12/10/2018 thì bà trình bày vợ chồng ông bà có 01 căn nhà gắn liền đất thổ cư, diện tích ngang 10m, dài 13m, loại nhà: Nền lát gạch bông, vách tường, lợp tol. Nhà và đất không có giấy chứng nhận QSD. Ông bà thống nhất trị giá căn nhà là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà P lại yêu cầu chia hai tài sản

chung. Còn ông Nguyễn Văn H thì yêu cầu được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn với bà P và ông không yêu cầu giải quyết về con chung và về tài sản chung.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 191, 192, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị P với ông Nguyễn Văn H. Về con chung: Thống nhất ông bà có 01 đứa con nuôi tên Nguyễn Thái S, sinh ngày 28/5/2011. Hiện nay đang sống chung với ông bà. Do yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị P không được chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến yêu cầu nuôi con của bà P và ông H; về tài sản chung: Đề nghị bác yêu cầu chia tài sản chung giữa bà P và ông H. Về nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị P phải chịu 2.800.000 đồng (*Hai triệu tám trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H có **nơi cư trú** tại tổ 19, ấp Phú Bình, xã Phú Lộc, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà P và ông H tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang nên hôn nhân của ông bà được xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị P khẳng định không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn H, bà yêu cầu được ly hôn với ông H, vì bà với ông H không còn sống chung từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Ngược lại, ông Nguyễn Văn H khẳng định vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn nên ông không đồng ý ly

hôn với bà P, ông H yêu cầu được đoàn tụ sống chung với bà P để nuôi dạy cháu S. Xét thấy lời khai của bà Nguyễn Thị P với ông Nguyễn Văn H tại Tòa thấy rằng, bà P và ông H không có xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, có thể đoàn tụ sống chung được với nhau nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 89 của luật hôn nhân và gia đình năm 2000, không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P về việc “xin ly hôn” với ông Nguyễn Văn H.

[3] Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn H thừa nhận, trong thời gian chung sống vợ chồng ông bà không có con chung, nhưng có 01 đứa con nuôi tên Nguyễn Thái S, sinh ngày 28/5/2011. Hiện nay con đang sống chung với ông bà. Tại phiên tòa hôm nay tuy bà P đồng ý giao cháu S cho anh H được quyền nuôi dưỡng, nhưng do yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị P không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét đến yêu cầu nuôi con của bà P và ông H.

[4] Về tài sản chung: Tại biên bản hòa giải ngày 12/10/2018 thì bà P và ông H đều thống nhất vợ chồng ông bà có 01 căn nhà gắn liền đất thổ cư, diện tích ngang 10m, dài 13m, loại nhà: Nền lát gạch bông, vách tường, lợp tol. Nhà và đất không có giấy chứng nhận QSD. Ông bà thống nhất trị giá căn nhà là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng tại phiên tòa hôm nay bà P lại yêu cầu chia hai tài sản chung nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà P, nghĩ nên bác yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị P.

[5] Về nợ chung: Không có, nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị P phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí bác yêu cầu chia tài sản chung là 2.500.000 đồng. Cộng chung là 2.800.000 đồng (*Hai triệu tám trăm ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc “xin ly hôn” đối với ông Nguyễn Văn H.

2. *Về nuôi con chung*: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn H vẫn tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thái S, sinh ngày 28/5/2011.

3. *Về tài sản chung*: Bác yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị P đối với ông Nguyễn Văn H.

4. Về nợ chung: Không có.

5. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu số: 0009497 ngày 07/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Như vậy bà Nguyễn Thị P còn phải nộp thêm 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí.

“Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ”.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Lan

